

Bản án số: 77/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06 - 9 - 024

V/v: Ly hôn giữa chị Phi và anh Hùng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thế Bình

Bà Phạm Thị Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng, Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Là, kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024 về việc " ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị **Trần Thị P**, sinh năm 1979; Địa chỉ: **Xóm H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định** (vắng mặt)

-Bị đơn: Anh **Vũ Văn H**, sinh năm 1979; Địa chỉ: **Xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định** (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 01 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Trần Thị P** trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh **H** có đăng ký kết hôn vào ngày 24 tháng 01 năm 2007 tại **UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định**. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh **H** chơi bời, không chăm lo đến kinh tế gia đình. Chị và anh **H** đã sống ly thân cách đây hơn 01 năm.

Chị xác định vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị được ly hôn anh **H**.

Về con chung chưa thành niên: Chị và anh H có 02 con chung là Vũ Tiến D, sinh ngày 10/11/2007 và Vũ Trường S, sinh ngày 30/10/2013. Hiện nay 02 con chung đang ở với anh H. Sau ly hôn, chị đề nghị xin trực tiếp nuôi cháu D, đồng ý cho anh H trực tiếp nuôi cháu S, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Vũ Văn H đã được tòa tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ vụ án của Thẩm phán và hoạt động tố tụng tại phiên tòa của Hội đồng xét xử, đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Trần Thị P và anh Vũ Văn H.

+ Về con chung: Giao cho chị Trần Thị P được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Tiến D, sinh ngày 10/11/2007, anh Vũ Văn H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Trường S, sinh ngày 30/10/2013. Chị P, anh H không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bên nào.

+ Về án phí: Chị Trần Thị P phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

+ Về quyền kháng cáo: Chị P, anh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ. Anh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập phiên tòa lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

2] *Về hôn nhân:* Chị Trần Thị P và anh Vũ Văn H kết hôn, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định vào tháng 01/2007 là hôn nhân có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống một thời gian hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do cuộc sống chung không hòa hợp, anh H

không chăm lo đến kinh tế gia đình. Chị **P** và anh **H** đã sống ly thân cho đến nay đã hơn 01 năm, điều đó thể hiện tình cảm giữa chị **P** và anh **H** không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy yêu cầu xin ly hôn của chị **P** là có cơ sở nên được chấp là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung chưa thành niên: Chị **P** và anh **H** có 02 con chung là là **Vũ Tiến D**, sinh ngày 10/11/2007 và **Vũ Trường S**, sinh ngày 30/10/2013. Hiện nay các con chung đang do anh **H** nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị **P** đề nghị được trực tiếp nuôi cháu **D** và đồng ý để anh **H** trực tiếp nuôi cháu **S**, không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bên nào là hoàn toàn tự nguyện và đảm bảo quyền lợi của các con chung nên yêu cầu của chị **P** là phù hợp với quy định tại Điều Điều 81, 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị **P** phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị **Trần Thị P** và anh **Vũ Văn H**.

2. Về con chung chưa thành niên: Giao cho chị **Trần Thị P** được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Vũ Tiến D**, sinh ngày 10/11/2007. Anh **Vũ Văn H** được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Vũ Trường S**, sinh ngày 30/10/2013. Chị **P** và anh **H** không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Anh **Vũ Văn H** có trách nhiệm giao cháu **Vũ Tiến D** cho chị **Trần Thị Phi**. Anh **Vũ Văn H** và chị **Trần Thị P** có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở quyền này.

3. Về án phí: Chị **Trần Thị P** phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị **P** đã nộp theo biên lai số 00005001 ngày 26 tháng 3 năm 2024 tại **Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực**, tỉnh Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Chị **Trần Thị P** và anh **Vũ Văn H** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì đương sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND huyện, tỉnh: 02 bản;
- THADS huyện: 01 bản;
- UBND xã Nam Hồng;
- Lưu HS: 01 bản;
- Lưu VP: 01 bản.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thịnh